

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toản, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30/06/2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Điều hành	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	08 - 09
4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020	12 - 38

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 1 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp vào ngày 30/11/2016.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

Vốn điều lệ: 324.054.150.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2020: 324.054.150.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : (+84) 234 – 3 891 841
- Fax : (+84) 234 – 3 891 838

3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Dương Bá Hòa	Chủ tịch	07/05/2020	
Ông Trần Văn Phong	Thành viên	07/05/2020	
Bà Hồ Hoàng Thi	Thành viên	07/05/2020	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Thành viên	19/04/2015	07/05/2020
Ông Lê Chí Phai	Thành viên	19/04/2015	07/05/2020

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phan Tuấn Anh	Trưởng ban	07/05/2020
Ông Nguyễn Công Định	Thành viên	07/05/2020
Bà Lê Thị Hoàng Diệu	Thành viên	07/05/2020

4.3. Ban Điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Văn Phong	Quyền Tổng Giám đốc	17/04/2020	
Ông Huỳnh Văn Toàn	Tổng Giám đốc	10/07/2015	17/04/2020
Ông Nguyễn Thành Công	Phó Tổng Giám đốc	10/07/2015	
Ông Nguyễn Văn Chương	Phó Tổng Giám đốc	06/01/2016	
Bà Hồ Hoàng Thi	Phó Tổng Giám đốc	19/04/2017	
Ông Ngô Khánh Toàn	Kế toán trưởng	19/04/2017	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm có:

- Ông Huỳnh Văn Toàn, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, miễn nhiệm ngày 17/04/2020.
- Ông Trần Văn Phong, chức vụ Quyền Tổng Giám đốc Công ty, bổ nhiệm ngày 17/04/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Điều hành phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo của Ban Điều hành (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

tháng, kết thúc ngày 30/06/2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành



TRẦN VĂN PHONG

Quyền Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số: 31/2020/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2020, từ trang 8 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020 theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Đà Nẵng, ngày 12 tháng 8 năm 2020

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - VIETVALUES



Lê Thị Thanh Kim - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 2896-2019-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		127.674.571.209	140.494.101.684
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	75.455.532.658	69.186.448.041
111	1. Tiền		16.455.532.658	19.587.530.545
112	2. Các khoản tương đương tiền		59.000.000.000	49.598.917.496
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.782.806.198	49.919.335.331
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	16.053.636.605	24.278.359.940
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	5.346.162.875	8.670.830.391
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	1.500.000.000	1.500.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	13.104.364.277	18.691.502.559
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.221.357.559)	(3.221.357.559)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		4.123.573.457	4.832.899.616
141	1. Hàng tồn kho	V.7	4.123.573.457	4.832.899.616
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.312.658.896	16.555.418.696
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	186.860.780	229.531.715
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.099.780.919	16.323.881.418
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.14	26.017.197	2.005.563
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		547.445.057.388	534.627.971.052
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		266.672.629.887	278.800.897.778
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	266.630.879.300	278.747.961.355
222	- Nguyên giá		663.805.551.673	663.805.551.673
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(397.174.672.373)	(385.057.590.318)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	41.750.587	52.936.423
228	- Nguyên giá		184.609.600	184.609.600
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(142.859.013)	(131.673.177)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		277.443.524.307	250.831.818.855
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	277.443.524.307	250.831.818.855
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.328.903.194	4.995.254.419
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	3.328.903.194	4.995.254.419
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		675.119.628.597	675.122.072.736

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	4
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		321.660.770.807	311.977.139.729
310	I. Nợ ngắn hạn		100.278.861.570	80.526.499.204
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	500.276.375	2.088.653.550
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13a	59.970.493	44.703.028
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.082.984.721	2.592.984.106
314	4. Phải trả người lao động	V.15	4.993.791.451	10.252.577.496
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2.572.007.801	2.110.858.156
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	243.729.522	774.854.649
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	69.253.826.086	55.240.871.221
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.19a	12.280.754.052	3.070.188.513
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.20	6.478.980.525	3.428.785.343
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.812.540.544	922.023.142
330	II. Nợ dài hạn		221.381.909.237	231.450.640.525
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.13b	67.872.483.570	68.730.649.319
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	4. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.19b	153.509.425.667	162.719.991.206
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		353.458.857.790	363.144.933.007
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	353.458.857.790	363.144.933.007
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		324.054.150.000	324.054.150.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		324.054.150.000	324.054.150.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		22.776.049.155	13.991.192.465
421	9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.628.658.635	25.099.590.542
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		6.628.658.635	25.099.590.542
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		675.119.628.597	675.122.072.736

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Quyền Tổng Giám Đốc



BÙI THỊ NGỌC LINH



NGÔ KHÁNH TOÀN



TRẦN VĂN PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	70.462.069.529	86.105.869.793
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		70.462.069.529	86.105.869.793
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	49.215.925.947	58.127.465.203
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		21.246.143.582	27.978.404.590
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	903.293.009	1.001.407.704
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	764.365.131	811.726.398
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	13.668.378.669	13.565.883.711
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.716.692.791	14.602.202.185
31	11. Thu nhập khác	VI.7	6.106.075	896.388.833
32	12. Chi phí khác	VI.8	11.155.510	44.799.126
40	13. Lợi nhuận khác		(5.049.435)	851.589.707
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.711.643.356	15.453.791.892
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14	1.082.984.721	3.061.226.784
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.628.658.635	12.392.565.108
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	185	309
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	185	309

Người lập biểu



BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng



NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Quyền Tổng Giám Đốc



TRẦN VĂN PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Địa chỉ: Thôn Bình An, Xã Lộc Vĩnh, Huyện Phú Lộc, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế		7.711.643.356	15.453.791.892
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	V.10, 11	12.121.649.711	12.723.340.053
03	- Các khoản dự phòng	V.20	3.050.195.182	1.108.098.636
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.090.276)	(2.596.406)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(902.202.733)	(1.859.038.255)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		21.980.195.240	27.423.595.920
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13.668.643.721	(5.245.594.403)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		709.326.159	322.462.270
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(8.324.232.137)	(544.648.231)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.709.022.160	1.090.742.651
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.14	(2.439.732.639)	(3.511.929.629)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(489.888.000)	(662.258.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		26.813.334.504	18.872.370.578
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(27.347.387.217)	(88.805.144.071)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.838.851.000	982.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		963.196.054	911.200.150
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.545.340.163)	(86.911.943.921)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	74.156.927.332
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	74.156.927.332
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		6.267.994.341	6.117.353.989
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		69.186.448.041	57.552.675.526
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.090.276	2.596.406
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	75.455.532.658	63.672.625.921

Người lập biểu

BÙI THỊ NGỌC LINH

Kế toán trưởng

NGÔ KHÁNH TOÀN

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Quyền Tổng Giám Đốc



TRẦN VĂN PHONG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 3932/QĐ-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ Giao thông Vận tải từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300515171 ngày 26/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Cổ phiếu của Công ty đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 117/2015/GCNCP-VSD ngày 01/12/2015 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là CMP.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: dịch vụ cung ứng tàu biển, thương mại - dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sản xuất, truyền tải, phân phối điện;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa,...

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dịch bệnh COVID-19 diễn ra vào cuối năm 2019 và kéo dài trong cả kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể, việc hạn chế du lịch quốc tế dẫn đến thu nhập từ việc đón tàu du lịch bị sụt giảm nghiêm trọng, doanh thu ước tính giảm 6,5 tỷ đồng, lợi nhuận ước tính giảm 6,3 tỷ đồng. Hoạt động liên quan đến vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa cũng bị suy giảm. Ước tính sản lượng hàng qua cảng giảm 200.000 tấn, doanh thu giảm 10,6 tỷ đồng và lợi nhuận ước tính giảm 3,7 tỷ đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện nào về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... nào khác có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2020.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Xí nghiệp Xếp dỡ Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
2. Xí nghiệp Cơ giới Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
3. Xí nghiệp Dịch vụ Cung ứng Tàu biển Cảng Chân Mây	Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế
4. Văn Phòng đại diện tại thành phố Huế	Tầng 3, nhà số 130 Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty có 277 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 277 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các giao dịch nội bộ (doanh thu – chi phí) và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	9 - 40
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và khoản phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về việc cho thuê mặt bằng, bãi chứa.

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo hoặc trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà doanh nghiệp sẽ phải thực hiện sau 12 tháng hoặc sau một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tiếp theo tại thời điểm báo cáo.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ thu được tiền.

Doanh thu bán hàng hoá xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ tại cảng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong kỳ bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	57.992.212	55.940.250
Tiền gửi ngân hàng	16.397.540.446	19.531.590.295
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng	59.000.000.000	49.598.917.496
Cộng	<u>75.455.532.658</u>	<u>69.186.448.041</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	16.053.636.605	24.278.359.940
- Công ty TNHH Cung ứng Vật Tư Đồng Lâm	2.264.649.124	4.383.822.532
- Công ty TNHH SHAIYO AA Việt Nam	1.193.597.999	1.499.165.262
- Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị	1.679.058.946	1.617.584.067
- Công ty TNHH Một thành viên Hào Hưng Huế	1.734.923.768	1.397.726.768
- Các khách hàng khác	9.181.406.768	15.380.061.311
Cộng	16.053.636.605	24.278.359.940

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	5.346.162.875	8.670.830.391
- Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân	1.239.979.845	6.469.273.427
- Công ty Cổ Phần 1-5	1.278.000.000	1.278.000.000
- Công ty TNHH Đóng và Sửa chữa tàu Hải Sơn	622.312.626	-
- Công ty CP Giải pháp và DV CN Tiên tiến Quantum	783.577.804	-
- Các nhà cung cấp khác	1.422.292.600	923.556.964
Cộng	5.346.162.875	8.670.830.391

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu cho vay với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu cho vay với các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.500.000.000	1.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	1.500.000.000	1.500.000.000
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	1.500.000.000	1.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.912.399.899	513.918.664	7.772.579.778	513.918.664
- Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	951.347.248	-	951.347.248	-
- Phải thu tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất	-	-	5.838.851.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	513.918.664	513.918.664	513.918.664	513.918.664
- Phải thu CBCNV về thuế thu nhập cá nhân	340.462.754	-	300.768.312	-
- Lãi dự thu tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	106.671.233	-	167.664.554	-
- Các đối tượng phải thu khác	-	-	30.000	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	696.076.698	-	423.285.307	-
<i>Ký quỹ ký cược ngắn hạn</i>	10.495.887.680	-	10.495.637.474	-
- Ban quản lý khu kinh tế công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế (*)	10.224.850.000	-	10.224.850.000	-
- Ký quỹ kinh doanh lữ hành quốc tế	251.037.680	-	250.787.474	-
- Ký quỹ thuê văn phòng	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	13.104.364.277	513.918.664	18.691.502.559	513.918.664

(*) Khoản tiền ký quỹ đối với việc đầu tư xây dựng bến số 02 - Cảng chân Mây theo thỏa thuận ký quỹ số 50/QĐ – KKTCN với Ban quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		-	-		-	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		3.264.782.559	43.425.000		3.264.782.559	43.425.000
- Công ty TNHH Sơn Tùng	>3 năm	627.329.522	-	>3 năm	627.329.522	-
- Chi nhánh DNTN TM & DV Hoàng Việt	>3 năm	154.849.350	-	>3 năm	154.849.350	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương Vinashin	>3 năm	2.171.369.272	-	>3 năm	2.171.369.272	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Xây dựng Hồng Kim	>3 năm	17.753.300	-	>3 năm	17.753.300	-
- Công ty cổ phần Nhựa đường Minh Đạt	2 - 3 năm	144.750.000	43.425.000	2 - 3 năm	144.750.000	43.425.000
- Công ty TNHH Khai thác Than Đông Bắc	>3 năm	83.858.340	-	>3 năm	83.858.340	-
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Bảo	>3 năm	60.000.000	-	>3 năm	60.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải biển Hợp Thành	>3 năm	1.136.519	-	>3 năm	1.136.519	-
- Công ty CP Vận tải biển và Thương mại Hàng Hải	>3 năm	3.736.256	-	>3 năm	3.736.256	-
Cộng		3.264.782.559	43.425.000		3.264.782.559	43.425.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	3.001.966.356	-	3.643.813.955	-
Công cụ, dụng cụ	797.737.999	-	774.673.599	-
Hàng hóa	323.869.102	-	414.412.062	-
Cộng	4.123.573.457	-	4.832.899.616	-

Nguyên liệu, vật liệu là những vật tư, nhiên liệu được sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và sửa chữa tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ là những dụng cụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mua về nhưng chưa sử dụng.

Hàng hóa của Công ty là xăng, dầu dự trữ để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8.a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí thuê văn phòng trả trước	160.600.000	73.000.000
Chi phí bảo hiểm	26.260.780	156.048.379
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	483.336
Cộng	186.860.780	229.531.715

8.b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí sửa chữa tài sản	2.344.021.932	3.783.964.149
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	984.881.262	1.211.290.270
Cộng	3.328.903.194	4.995.254.419

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	527.797.527.768	99.720.081.535	33.590.336.909	2.697.605.461	663.805.551.673
Mua sắm trong năm	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	527.797.527.768	99.720.081.535	33.590.336.909	2.697.605.461	663.805.551.673
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	286.497.092.743	66.484.499.919	30.083.282.681	1.992.714.975	385.057.590.318
Khấu hao trong năm	8.184.224.457	3.090.540.756	680.407.933	161.908.909	12.117.082.055
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	294.681.317.200	69.575.040.675	30.763.690.614	2.154.623.884	397.174.672.373
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	241.300.435.025	33.235.581.616	3.507.054.228	704.890.486	278.747.961.355
Số cuối năm	233.116.210.568	30.145.040.860	2.826.646.295	542.981.577	266.630.879.300

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2020: 37.361.668.001 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

- Giá trị còn lại TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	184.609.600	184.609.600
Tăng trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	184.609.600	184.609.600
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	131.673.177	131.673.177
Khấu hao trong năm	11.185.836	11.185.836
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	142.859.013	142.859.013
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	52.936.423	52.936.423
Số cuối năm	41.750.587	41.750.587

- Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng tại ngày 30/06/2020: 101.169.600 đồng.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

- Giá trị còn lại TSCĐ vô hình cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

11. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	246.326.383.296	26.741.352.772	1.263.000	273.066.473.068
- Công trình bến số 2 (*)	236.939.415.115	26.489.658.227	1.263.000	263.427.810.342
- Công trình nâng cấp bến 120m	303.605.455	-	-	303.605.455
- Công trình mở rộng kho bãi	9.083.362.726	251.694.545	-	9.335.057.271
Chi phí sửa chữa tài sản	4.505.435.559	183.420.498	311.804.818	4.377.051.239
- Sửa chữa bọc đầu cọc BSI	4.107.950.133	-	-	4.107.950.133
- Sửa chữa cầu dẫn	144.151.523	183.420.498	311.804.818	15.767.203
- Sửa chữa dầm cầu cảng BSI	253.333.903	-	-	253.333.903
Cộng	250.831.818.855	26.924.773.270	313.067.818	277.443.524.307

(*) Toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Công trình bến số 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	500.276.375	2.088.653.550
- Công ty TNHH MTV TM&DV Tiến Lộc Phú	172.175.280	661.994.565
- Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam	101.310.000	-
- Công ty Tư vấn Cảng Đường thủy	93.232.000	93.232.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải Phú Gia	51.316.965	346.458.160
- Công ty TNHH MTV TMDV và Vận tải Tiến Lực	-	223.241.515
- Các nhà cung cấp khác	82.242.130	763.727.310
Cộng	500.276.375	2.088.653.550

Trong đó, số phải trả đã quá hạn thanh toán là: 0 đồng.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn/dài hạn**13a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	59.970.493	44.703.028
- Công ty TNHH DVVT Biển An Phát	50.000.000	-
- Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	-	35.891.520
- Các khách hàng khác	9.970.493	8.811.508
Cộng	59.970.493	44.703.028

13b. Người mua trả tiền trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	67.872.483.570	68.730.649.319
- Royal Caribbean Cruises Ltd	67.872.483.570	68.730.649.319
- Các đối tượng khác	-	-
Cộng	67.872.483.570	68.730.649.319

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	2.439.732.639	-	1.082.984.721	2.439.732.639	1.082.984.721	-
Thuế thu nhập cá nhân	153.251.467	-	244.438.161	421.701.262	-	24.011.634
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.005.563	226.846	226.846	-	2.005.563
Cộng	2.592.984.106	2.005.563	1.333.649.728	2.867.660.747	1.082.984.721	26.017.197

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ cung ứng tàu biển cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài hoặc thông qua đại lý tàu biển là 0%; cung cấp cho các tổ chức nội địa là 10%.

Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.711.643.356	15.453.791.892
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để	23.961.792	(147.657.972)
- Các khoản điều chỉnh tăng	25.052.068	25.802.070
+ Các khoản chi phí không hợp lý	13.896.558	17.151.944
+ Các khoản phạt vi phạm hành chính	11.155.510	8.650.126
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.090.276)	(173.460.042)
+ Thu nhập đã tính thuế TNDN các năm trước	-	(170.863.636)
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	(1.090.276)	(2.596.406)
Thu nhập chịu thuế	7.735.605.148	15.306.133.920
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.547.121.030	3.061.226.784
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	(464.136.309)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.082.984.721	3.061.226.784

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***15. Phải trả người lao động**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền lương phải trả	4.993.791.451	10.252.577.496
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	4.993.791.451	10.252.577.496

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	<i>2.518.221.255</i>	<i>2.028.651.156</i>
Chi phí lãi vay phải trả	2.518.221.255	2.028.651.156
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	53.786.546	82.207.000
Cộng	2.572.007.801	2.110.858.156

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>243.729.522</i>	<i>774.854.649</i>
- Công ty Cổ phần LEC - GROUP	-	263.942.000
- Công ty TNHH Thực Phẩm An Long Miền Trung	243.729.522	510.912.649
Cộng	243.729.522	774.854.649

18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>60.265.340.964</i>	<i>46.486.238.214</i>
- Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy (*)	60.265.340.964	46.486.238.214
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	<i>8.988.485.122</i>	<i>8.754.633.007</i>
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (**)	8.583.259.000	8.583.259.000
- Kinh phí, đoàn phí công đoàn	160.811.733	96.346.819
- Phải trả thù lao quản lý dự án Bến số 2	76.596.589	64.403.986
- Phải trả các đối tượng khác	167.817.800	10.623.202
Cộng	69.253.826.086	55.240.871.221

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Bao gồm khoản lãi vay phải trả Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy: 16.684.922.964 đồng; khoản phải trả về cổ tức năm 2017, 2018 và 2019: 43.580.418.000 đồng (Số đầu năm bao gồm: Lãi vay phải trả: 16.684.922.964 đồng; cổ tức phải trả: 29.801.315.250 đồng).

(**) Khoản phải trả UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế là khoản nợ đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh khi bàn giao Cảng Chân Mây từ Ban quản lý Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô về Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (nay là Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy).

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	3.070.188.513	-	-	9.210.565.539	12.280.754.052
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	3.070.188.513	-	-	9.210.565.539	12.280.754.052
Cộng	3.070.188.513	-	-	9.210.565.539	12.280.754.052

19b. Dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn	162.719.991.206	-	-	9.210.565.539	153.509.425.667
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thừa Thiên Huế	162.719.991.206	-	-	9.210.565.539	153.509.425.667
Cộng	162.719.991.206	-	-	9.210.565.539	153.509.425.667

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDAĐT/NHCT460-CANGCHANMAY ngày 19/10/2018. Hạn mức vay là 268.980.000.000 đồng nhưng không vượt quá 70% tổng vốn đầu tư thực tế của Dự án (bao gồm thuế GTGT và chi phí lãi vay trong thời gian thi công), thời hạn vay là 180 tháng từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (từ ngày 16/01/2019 đến ngày 16/01/2034). Tại thời điểm ký kết Hợp đồng cho vay, lãi suất được xác định như sau:

- Trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 8%/năm;
- Từ tháng thứ 13 đến hết tháng thứ 24: 8,5%/năm;
- Từ tháng thứ 25 đến hết tháng thứ 96: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công thương Việt nam cộng (+) biên độ 2,5%/năm;
- Từ tháng thứ 97 đến hết tháng thứ 180: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Công Thương Việt nam cộng (+) biên độ 3,5%/năm và không thấp hơn sản lãi suất cho vay hiện hành của Ngân hàng Công Thương Việt Nam tại thời điểm đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư thực hiện Dự án đầu tư Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 tại Vịnh Chân Mây, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án, bao gồm tất cả công trình xây dựng, máy móc thiết bị thuộc Bến số 2 – Cảng Chân Mây giai đoạn 1 và các tài sản khác đủ điều kiện nhận theo quy định của Bên cho vay. Đồng thời nhận thế chấp bổ sung các tài sản là: Quyền sử dụng đất của toàn bộ dự án và lưu giữ toàn bộ bản chính hồ sơ pháp lý của dự án; các quyền tài sản phát sinh trong quá trình thực hiện dự án như quyền tài sản đối với các hợp đồng thi công xây dựng, hợp đồng mua/nhập khẩu máy móc thiết bị, quyền thụ hưởng bảo hiểm và các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số cuối kỳ
<i>Dự phòng chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ</i>	<i>3.428.785.343</i>	<i>-</i>	<i>311.804.818</i>	<i>3.116.980.525</i>
- Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng cầu cảng	2.428.785.343	-	311.804.818	2.116.980.525
- Dự phòng sửa chữa tàu lái	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
<i>Dự phòng phải trả khác</i>	<i>-</i>	<i>3.977.000.000</i>	<i>615.000.000</i>	<i>3.362.000.000</i>
- Dự phòng tiền lương phải trả	-	3.977.000.000	615.000.000	3.362.000.000
	3.428.785.343	3.977.000.000	926.804.818	6.478.980.525

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	913.684.317	501.991.811	-	1.415.676.128
Quỹ phúc lợi	8.338.825	1.388.525.591	-	1.396.864.416
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	489.888.000	489.888.000	-
Cộng	922.023.142	2.380.405.402	489.888.000	2.812.540.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	324.054.150.000	7.250.258.119	22.469.781.154	349.564.026.551
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	25.099.590.542	25.099.590.542
Trích lập các quỹ	-	6.740.934.346	(8.535.452.704)	(1.794.518.358)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
Số dư cuối năm trước	324.054.150.000	13.991.192.465	25.099.590.542	358.934.770.285
Số dư đầu kỳ này	324.054.150.000	13.991.192.465	25.099.590.542	363.144.933.007
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	6.628.658.635	6.628.658.635
Trích lập các quỹ	-	8.784.856.690	(11.165.262.092)	(2.380.405.402)
Chia cổ tức cho các cổ đông	-	-	(13.934.328.450)	(13.934.328.450)
Số dư cuối kỳ	324.054.150.000	22.776.049.155	6.628.658.635	353.458.857.790

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
Vốn góp của cổ đông Nhà nước - Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	98,89%	320.444.250.000	98,89%	320.444.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,11%	3.609.900.000	1,11%	3.609.900.000
Cộng	100,00%	324.054.150.000	100,00%	324.054.150.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	324.054.150.000	324.054.150.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.934.328.450	13.934.328.450

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.405.415	32.405.415
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu thường	32.405.415	32.405.415
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận năm 2019 được thực hiện theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2020 của Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2019 được phân phối trích lập quỹ đầu tư và phát triển 35%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban điều hành 9,48% và chi trả cổ tức cho cổ đông 55,52%.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: đồng)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	62.945.755.312	72.870.391.138
Doanh thu bán hàng hóa	7.516.314.217	13.235.478.655
Cộng	70.462.069.529	86.105.869.793

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	42.596.196.256	46.264.116.760
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.619.729.691	11.863.348.443
Cộng	49.215.925.947	58.127.465.203

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	902.202.733	998.811.298
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.090.276	2.596.406
Cộng	903.293.009	1.001.407.704

4. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	333.977.378	514.543.059
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.057.756	50.467.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.236.363	178.818.636
Chi phí khác	263.093.634	67.896.817
Cộng	764.365.131	811.726.398

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.324.469.137	7.302.120.297
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.160.642.578	1.008.583.020
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.008.767.791	1.055.627.408
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.385.542.647	1.292.546.970
Chi phí bằng tiền khác	2.788.956.516	2.907.006.016
Cộng	13.668.378.669	13.565.883.711

6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	860.226.957
Các khoản thu nhập khác	6.106.075	36.161.876
Cộng	6.106.075	896.388.833

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí khác**

	Kỳ này	Kỳ trước
Đền bù mất mát trong vận chuyển cho khách hàng	-	36.149.000
Tiền phạt vi phạm hành chính	11.155.510	8.650.126
Cộng	11.155.510	44.799.126

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.628.658.635	12.392.565.108
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(628.396.839)	(2.380.405.402)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (**)	(628.396.839)	(2.380.405.402)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	6.000.261.796	10.012.159.706
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	32.405.415	32.405.415
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	185	309

(*) Điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2020. Theo đó, tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 là 9,48% lợi nhuận sau thuế. Do đó, chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" của kỳ kế toán 6 tháng, kết thúc ngày 30/06/2019 là 309 đồng/cổ phiếu thay vì 352 đồng/cổ phiếu như đã trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019.

(**) Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo tỷ lệ 9,48% lợi nhuận sau thuế (tương đương tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/05/2020).

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	32.405.415	32.405.415
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	32.405.415	32.405.415

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.000.261.796	10.012.159.706
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	32.405.415	32.405.415
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	185	309

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.391.979.805	3.894.929.038
Chi phí nhân công	22.335.421.144	22.730.935.574
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.121.649.711	12.716.488.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.194.064.853	11.487.091.860
Chi phí khác	10.041.651.356	8.190.802.864
Cộng	56.084.766.869	59.020.247.433

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các cam kết**

Theo thỏa thuận ngày 26/05/2015 giữa Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chân Mây (nay là Công ty Cổ phần Cảng Chân Mây) và Hãng Du lịch Tàu biển Royal Caribbean, Royal Caribbean sẽ được ưu tiên sử dụng bến cập tàu và phải trả trước phí dịch vụ và phí hành khách nhằm hỗ trợ tài chính cho việc thi công dự án mở rộng và nâng cấp bến cập tàu của Cảng Chân Mây. Giá trị trả trước này sẽ được trừ dần vào phí dịch vụ và phí hành khách thực tế phát sinh từng lần. Trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn, thỏa thuận này có thời hạn 10 năm kể từ ngày 26/05/2015.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Ban thư ký Hội đồng quản trị. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị	840.818.078	796.451.000
Tiền lương	546.059.091	745.451.000
Thù lao	36.000.000	36.000.000
Khác	258.758.987	15.000.000
Ban điều hành	511.436.139	422.067.273
Tiền lương	369.000.000	413.067.273
Khác	142.436.139	9.000.000
Ban kiểm soát	204.964.377	148.780.000
Tiền lương	123.000.000	136.780.000
Thù lao	18.000.000	9.000.000
Khác	63.964.377	3.000.000
Cộng	1.557.218.594	1.367.298.273

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy là công ty mẹ với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tương ứng 98,89%.

Giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy		
- Chia cổ tức	13.779.102.750	13.779.102.750

Công nợ với các bên liên quan khác tại ngày 30/06/2020 như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả khác	60.265.340.964	46.689.057.148
Phải trả lãi vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy	16.684.922.964	16.684.922.964
Phải trả cổ tức	43.580.418.000	29.801.315.250

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận**

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong kỳ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là dịch vụ, hàng hóa cung ứng cho các tàu biển.

	Dịch vụ cung ứng tàu biển	Xăng dầu	Dịch vụ khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên	63.690.117.792	6.255.206.074	516.745.663	-	70.462.069.529
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.690.117.792	6.255.206.074	516.745.663	-	70.462.069.529
Giá vốn bộ phận	43.230.862.675	5.924.016.528	61.046.744	-	49.215.925.947
Lợi nhuận gộp bộ phận	20.459.255.117	331.189.546	455.698.919	-	21.246.143.582
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.810.305.079	11.702.975.804	592.588.910	-	86.105.869.793
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.810.305.079	11.702.975.804	592.588.910	-	86.105.869.793
Giá vốn bộ phận	47.042.561.555	11.025.407.248	59.496.400	-	58.127.465.203
Lợi nhuận gộp bộ phận	26.767.743.524	677.568.556	533.092.510	-	27.978.404.590

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CHÂN MÂY

Thôn Bình An, xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thừa Thiên Huế, ngày 12 tháng 8 năm 2020



BÙI THỊ NGỌC LINH
Người lập biểu



NGÔ KHÁNH TOÀN
Kế toán trưởng



TRẦN VĂN PHONG
Quyền Tổng Giám đốc



